

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TIỀN GIANG**

Bản án số: 19/2020/HNGĐ-PT

Ngày: 05/5/2020

V/v tranh chấp: “Xin ly hôn”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Xuân Long

Các Thẩm phán: Ông Huỳnh Văn Ngoan

Bà Lâm Ngọc Tuyền

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Tuyết Hạnh – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang: Bà Nguyễn Thị Cẩm Thúy - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 05 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 19/2020/TLPT-HNGĐ ngày 17/02/2020 về việc tranh chấp: “Xin ly hôn”.

Do bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 126/2019/HN-ST ngày 18/10/2019 của Tòa án nhân dân huyện CL, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 62/2020/QĐ-PT ngày 02 tháng 3 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Minh T, sinh năm: 1991; (có mặt)

Địa chỉ: Ấp TH, xã TH1, thị xã CL, tỉnh Tiền Giang.

- Bị đơn: Anh Đỗ Chí D, sinh năm: 1987; (Có mặt)

Địa chỉ: Ấp HN, xã HĐ, huyện CL, tỉnh Tiền Giang.

-Người kháng cáo: Nguyên đơn Nguyễn Thị Minh T.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo án sơ thẩm,

**** Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Minh T trình bày:***

Do quen biết chị và anh Đỗ Chí D tiến tới hôn nhân vào năm 2016, có đăng ký kết hôn. Vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh Đỗ Chí D không lo phụ giúp gia đình và anh D có đánh chị 02 lần, chị và anh Đỗ Chí D luôn bất đồng về quan điểm sống và chủ yếu là mâu thuẫn về tài chính nên anh chị thường hay cự cãi nhau, đến tháng 10/2018 mâu thuẫn trầm trọng vợ chồng đã ly thân từ tháng 10/2018 đến nay. Trước đây, vào tháng 02/2019 chị có nộp đơn xin

ly hôn anh Đỗ Chí D, sau đó chị rút đơn để cho cơ hội anh D sửa chữa khuyết điểm nhưng anh D vẫn không sửa chữa.

Nay nhận thấy tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu được ly hôn với anh Đỗ Chí D.

Về con chung: Có 01 con chung tên Đỗ Duy A, sinh ngày 12/10/2016. Hiện con chung đang sống với anh D. Khi ly hôn, về con chung chị đồng ý để anh D nuôi, chị không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Bị đơn anh Đỗ Chí D trình bày:*

Anh thống nhất theo lời trình bày của chị Nguyễn Thị Minh T về quá trình tiến tới hôn nhân. Nhưng vợ chồng chỉ có mâu thuẫn nhỏ dẫn đến cãi nhau, do chị T xúc phạm người lớn nên anh có đánh chị T 01 lần. Anh có chăm lo cho gia đình nhưng không đủ lo tất cả các chi phí, anh có đưa tiền cho chị T. Sau khi chị T rút đơn khởi kiện ly hôn vào tháng 3/2019, anh có hàn gắn vợ chồng nhưng không được. Vợ chồng đã ly thân từ tháng 10/2018 đến nay. Nay anh không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị T vì anh còn thương vợ, thương con.

Về con chung: Có 01 con chung tên Đỗ Duy A, sinh ngày 12/10/2016. Hiện con chung đang sống với anh. Nếu Tòa án cho ly hôn con chung anh yêu cầu được nuôi, không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Tại bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 126/2019/HN-ST ngày 18/10/2019 của Tòa án nhân dân huyện CL, tỉnh Tiền Giang đã tuyên xử:*

1. Không chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị Minh T về việc xin ly hôn với anh Đỗ Chí D.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên phần án phí và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 18/10/2019, chị Nguyễn Thị Minh T có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm, chị T yêu cầu được ly hôn với anh D.

Tại phiên tòa phúc thẩm: chị Nguyễn Thị Minh T vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo xin ly hôn với anh D. Với lý do: giữa chị và anh D mâu thuẫn đã trầm trọng, thời gian ly thân đã lâu không còn khả năng hàn gắn.

Anh Đỗ Chí D không đồng ý với yêu cầu kháng cáo của chị T vì giữa anh và chị T chỉ có mâu thuẫn nhỏ trong cuộc sống, anh vẫn còn thương vợ, con nên mong muốn được hàn gắn tình cảm vợ chồng xây dựng hạnh phúc gia đình.

Nguyên đơn không rút đơn khởi kiện, đơn kháng cáo, các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang có ý kiến phát biểu về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tuân thủ đúng các qui định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án: Đại diện Viện kiểm sát cho rằng quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh D là hợp pháp. Mâu thuẫn vợ chồng giữa anh chị chưa đến mức trầm trọng, có thể hàn gắn lại được. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của chị T. Giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện CL, tỉnh Tiền Giang.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện tài liệu, chứng cứ, ý kiến của các đương sự, Kiểm sát viên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Xét đơn kháng cáo và biên lai thu tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm của chị Nguyễn Thị Minh T nộp ghi ngày 18/10/2019 tại các bút lục 48, 49 là còn trong thời hạn luật định và hợp lệ đúng theo quy định tại các Điều 271, 272 và 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 nên được xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về quan hệ pháp luật, chị Nguyễn Thị Minh T khởi kiện yêu cầu được ly hôn với anh Đỗ chí D. Do đó, Tòa sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật tranh chấp “Xin ly hôn” là có căn cứ đúng pháp luật quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh D kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn được Ủy ban nhân dân xã HĐ, huyện CL, tỉnh Tiền Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 29/3/2016 là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 10 năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Theo chị T trình bày thì nguyên nhân mâu thuẫn do anh D không lo phụ giúp gia đình, bất đồng về quan điểm sống và chủ yếu là mâu thuẫn về tài chính nên anh chị thường hay cự cãi nhau, anh D có đánh chị 02 lần, đến tháng 10/2018 thì vợ chồng đã ly thân nhau. Trước đây, vào tháng 02/2019 chị có nộp đơn xin ly hôn anh D, sau đó chị rút đơn để cho cơ hội anh D sửa chữa khuyết điểm, hàn gắn lại tình cảm vợ chồng, nhưng anh D vẫn không sửa chữa. Anh D cũng thừa nhận trong quá trình chung sống vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn nhỏ, anh có đánh chị 01 lần do bất đồng quan điểm, anh vẫn còn thương vợ, con nên mong muốn được hàn gắn tình cảm vợ chồng xây dựng hạnh phúc gia đình.

Xét thấy, nguyên nhân mâu thuẫn giữa chị T và anh D là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống và kinh tế dẫn đến cự cãi, đánh nhau nhưng cả hai không có biện pháp khắc phục mà để mâu thuẫn kéo dài nhiều năm, dẫn đến tình cảm vợ chồng rạn nứt và ngày càng trầm trọng, đến 10/2018 anh chị ly thân nhau và chị T đã làm đơn xin ly hôn với anh D. Sau đó, chị T rút đơn xin ly hôn vào tháng 03/2019 nhằm tạo điều kiện để cho vợ chồng hàn gắn lại tình cảm, nhưng cả hai cũng không có thiện chí khắc phục mà vẫn tiếp tục sống ly thân bỏ mặc ai ấy sống, không thương yêu, chăm sóc giúp đỡ nhau, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử

đã phân tích, động viên hai anh chị hàn gắn tình cảm vợ chồng để lo cho tương lai con chung sau này. Phía anh D cũng đưa ra nhiều giải pháp để hàn gắn và duy trì hôn nhân với chị T, nhưng chị T vẫn cương quyết xin được ly hôn với anh D. Như vậy, mâu thuẫn giữa chị T và anh D đã thật sự trầm trọng, không còn khả năng hàn gắn, đời sống chung của vợ chồng không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên yêu cầu xin ly hôn của chị T là chính đáng, phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình. Do đó, yêu cầu kháng cáo của chị T là có căn cứ, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T.

[4] Về con chung: anh chị có 01 con chung tên Đỗ Duy A, sinh ngày 12/10/2016. Hiện cháu đang sống với anh D. Anh D xin được nuôi con không yêu cầu chị Thư cấp dưỡng. Chị T cũng đồng ý để anh D nuôi cháu Đỗ Duy A và không cấp dưỡng nuôi con theo yêu cầu của anh D. Đây chính là sự tự nguyện thỏa thuận của các bên trong việc nuôi con và phù hợp với Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình, nên được ghi nhận.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang chưa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên không được chấp nhận.

[5] Về án phí: Do yêu cầu kháng cáo của chị Nguyễn Thị Minh T được chấp nhận nên chị không phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định tại Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 148; khoản 2 Điều 308; khoản 1 Điều 309, của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 53, 56, 81 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của chị Nguyễn Thị Minh T.

Sửa bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 126/2019/HNGĐ-ST ngày 18/10/2019 của Tòa án nhân dân huyện CL, tỉnh Tiền Giang.

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Minh T. Cho chị Nguyễn Thị Minh T được ly hôn với anh Đỗ Chí D.

- Về con chung: Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận giữa chị T và anh D về việc nuôi con.

Giao cháu Đỗ Duy A, sinh ngày 12/10/2016 cho anh D tiếp tục nuôi dưỡng. Chị T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Chị T được quyền thăm và chăm sóc con chung, không ai được quyền cản trở.

2/ Về án phí: Chị T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu số 17046 ngày 27/8/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện CL, tỉnh Tiền Giang.

Hoàn lại cho chị T số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu số 17199 ngày 18/10/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện CL, tỉnh Tiền Giang.

3/ Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại TP. Hồ Chí Minh;

- VKSND tỉnh Tiền Giang;

- TAND huyện CL;

- CC THADS huyện CL;

- UBND xã HĐ, huyện CL, TG;

- Các đương sự;

- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Xuân Long